

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 21/2018/TLST/HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị M.

ĐKHKTT: Phố M, thị trấn Y, huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

Trú tại: Ấp T, xã Th, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H.

Địa chỉ: Phố M, thị trấn Y, huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các Điều 147, 212 và 213 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/BUTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 55, 57, 81, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 03 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 03 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị M, sinh năm 1976; ĐKHKTT: Phố M, thị trấn Y, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; hiện trú tại: Ấp T, xã Th, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh và anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1972; địa chỉ: Phố M, thị trấn Y, huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị M và anh Nguyễn Văn H chấm dứt kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung (riêng): Giao cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 17 tháng 03 năm 2003 cho chị Lê Thị M tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ đóng góp tiền nuôi con chung cho chị Lê Thị M hàng tháng với số tiền là 700.000đồng (*Bảy trăm nghìn đồng*) từ tháng 5 năm 2018 đến khi cháu H trưởng thành đủ 18 tuổi tự lập được cuộc sống; anh Nguyễn Văn H có quyền đi lại thăm nom con chung.

Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Văn H không có con riêng nên anh, chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Kể từ ngày chị Lê Thị M có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Nguyễn Văn H không thi hành hết khoản tiền trên thì anh Nguyễn Văn H phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2.2. Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Văn H đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, tài sản riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về công nợ, đất nông nghiệp không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Lê Thị M nhận nộp 150.000đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm và nhận nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí nuôi con định kỳ theo quy định của pháp luật được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0001806 ngày 27 tháng 02 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Khánh.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh.
- THADS huyện Yên Khánh.
- UBNDTT Y.
- Dương sự
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

Tạ Văn Vinh